

# NGHỆ THUẬT CHUYỂN THỂ CỦA NHẬT LINH TRONG KỊCH BẢN “THÚY KIỀU - MỘT KIẾP ĐOẠN TRƯỜNG”

Nguyễn Thị Việt Hằng<sup>1</sup>, Phạm Bá Hải<sup>2</sup>

**Tóm tắt:** Bài báo trình bày các vấn đề cơ bản của lí thuyết chuyển thể, lí thuyết liên văn bản, đặc điểm cơ bản của thể loại truyện Nôm, kịch bản sân khấu và lấy đó làm căn cứ lí luận để đi vào phân tích nghệ thuật chuyển thể của Nhật Linh trong tương quan với tác phẩm gốc là Truyện Kiều. Từ đó chỉ ra những kế thừa, sáng tạo trên phương diện nội dung và hình thức nghệ thuật thể hiện trong kịch bản Thúy Kiều một kiếp đoạn trường.

**Từ khóa:** Kịch bản sân khấu, chuyển thể, liên văn bản, Truyện Kiều, Thúy Kiều một kiếp đoạn trường

## 1. MỞ ĐẦU

Với ý nghĩa là tác phẩm kinh điển, được xếp vào hàng kiệt tác của văn học Việt Nam, *Truyện Kiều* đã trở thành nguồn cảm hứng vô tận cho việc chuyển thể sang nhiều loại hình nghệ thuật khác, đặc biệt là kịch bản sân khấu. Nhiều năm trở lại đây, các loại hình được chuyển thể từ tác phẩm của Nguyễn Du như: tuồng, chèo, cải lương, kịch nói lần lượt được ra đời, trong đó *Thúy Kiều – Một kiếp đoạn trường* của Nhật Linh là một trong những kịch bản sân khấu mới ra mắt gần đây nhất (năm 2021). Việc ra đời sau và yêu cầu đặc thù của nghệ thuật kịch nói đòi hỏi tác giả vừa phải có nhiều sáng tạo dựa trên cơ sở đảm bảo nội dung gốc của *Truyện Kiều*, vừa phải tuân thủ đúng đặc điểm của thể loại. Kịch bản đã được đưa lên sân khấu công diễn (năm 2022) và đạt những thành công nhất định, điều đó cho thấy bản thân nó đã có những thành tựu đáng ghi nhận.

## 2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

### 2.1. Giới thuyết về chuyển thể và liên văn bản

Trong nghĩa chiết tự, “chuyển thể” có thể hiểu là chuyển thể loại (từ hình thức này sang hình thức khác). Nó vốn được dịch từ thuật ngữ “adaptation” với nghĩa gốc là “sự thích ứng”. Trong nghĩa chung nhất, “chuyển thể” tức là tạo nên một tác phẩm mới từ một tác phẩm gốc nào đó. Đây là xu thế đang phát triển khá sôi nổi trong đời sống văn nghệ, đặc biệt là đối với những tác phẩm đã tạo được dấu ấn đặc biệt. Quan niệm về chuyển thể có những khác biệt trong giới nghiên cứu, chẳng hạn, Thomas Leitch trong *A*

<sup>1</sup> Trường ĐHSP Hà Nội 2

<sup>2</sup> Học viên Cao học K25, chuyên ngành Văn học Việt Nam, Trường ĐHSP Hà Nội 2

*Companion to Literature, Film, and Adaptation* coi chuyển thể là “một bản dịch”. Linda Hutcheon trong *Theory of Adaptation* quan niệm chuyển thể “là sự phỏng theo, cải biến bối cảnh, nội dung hoặc hình thức tác phẩm để phù hợp với ý đồ sáng tạo của tác giả” [3, tr.7]. Chúng tôi triển khai nghiên cứu của mình theo quan niệm “chuyển thể” là một hình thức viết lại, chuyển hóa, sáng tạo từ văn bản gốc sang một hình thức nghệ thuật khác. Tác phẩm được chuyển thể có thể coi như một điểm tựa, một bệ phóng, còn tác phẩm chuyển thể chính là một sáng tác lần hai bắt nguồn từ tác phẩm gốc.

Có hai hình thức chuyển thể. Một là, chuyển thể bám sát, trung thành với văn bản gốc. Nội dung cốt truyện được giữ nguyên, chỉ thêm bớt hoặc thay đổi một vài chi tiết, hoặc thay đổi người kể chuyện; Hai là, chuyển thể không theo sát tác phẩm văn học, hay còn gọi là chuyển thể tự do, chỉ dựa trên một hoặc một số ý tưởng hoặc một gợi ý nào đó của một hay nhiều tác phẩm văn học để phóng tác thành tác phẩm mới... Dù là qua hình thức nào, độc giả cũng có thể thấy rõ những căn cốt vốn dĩ nằm trong tác phẩm gốc và những sáng tạo của tác giả chuyển thể.

Lí thuyết chuyển thể từ tác phẩm văn học sang kịch bản sân khấu có liên hệ mật thiết đến vấn đề liên văn bản. Từ văn bản gốc đến văn bản chuyển thể bao giờ cũng nằm trong mối liên hệ hữu cơ với nhau, ở đó tác phẩm chuyển thể là một góc nhìn, một cách diễn giải mới trong một bối cảnh văn hóa – xã hội mới, có sự tham chiếu với văn bản gốc. Việc nghiên cứu một văn bản chuyển thể từ góc độ liên văn bản chính là việc đối sánh với văn bản gốc để thấy được sự “cộng sinh” của cả hai văn bản, đồng thời thấy được mục đích, phương thức chuyển thể, những tiếp thu, cải biến, sáng tạo từ một giá trị đã có trước sang một giá trị mới với hình thức mới, phù hợp với bối cảnh lịch sử, văn hóa, xã hội và thời đại cụ thể.

## **2.2. Nhật Linh và việc chuyển thể kịch bản *Thúy Kiều* – một kiếp đoạn trường**

### **2.2.1. Căn cốt từ *Truyện Kiều* của Nguyễn Du**

Nhật Linh viết kịch bản sân khấu *Thúy Kiều – Một kiếp đoạn trường* thể hiện mong muốn làm mới *Truyện Kiều* trên một loại hình nghệ thuật khác, song với yêu cầu chuyển thể, tác giả phải bám sát những gì đã trở thành dấu ấn đậm nét mà tác phẩm gốc đã in đậm trong lòng độc giả trong suốt những thế kỉ qua.

Trước hết, nội dung cốt truyện kể về cuộc đời bi kịch của nàng Kiều được làm nổi bật ngay từ nhan đề. Tác phẩm của Nguyễn Du nguyên có tên gọi *Đoạn trường tân thanh*, Nhật Linh đặt tên kịch bản của mình là *Thúy Kiều – Một kiếp đoạn trường*, nhan đề hai tác phẩm đều ngụ ý diễn tả kiếp “đoạn trường” đầy sóng gió, khổ đau của nhân vật trung tâm. Bản thân tác giả Nhật Linh ngay từ những dòng đầu tiên trong kịch bản đã ghi chú

rằng: “Tác phẩm này chỉ có một mục đích duy nhất là miêu tả thật trung thực và đầy đủ nội dung của Truyện Kiều, giúp cho khán giả hiểu rõ nhất về cuộc đời và thân phận chìm nổi của người thiếu nữ tài hoa nhưng bạc mệnh đã phải bán mình lấy tiền chuộc cha. Hai lần phải vào nhà thổ, cũng hai lần được cứu khỏi lầu xanh, hai lần đi tu và hai lần làm con ỏ. Năm lần cưới chồng trong đó hai lần làm lẽ, hai lần tự vẫn và hai lần phải đổi tên, ba lần gặp Đạm Tiên và đổi thoại trực tiếp với số phận của mình, một lần gián tiếp giết chồng, cùng rất nhiều lần bị mắc lừa, cuối cùng đã phải chọn sông Tiền Đường để giải thoát cuộc đời”. Như thế, nội dung cốt truyện *Truyện Kiều* với những sự kiện, tình tiết cơ bản đã được tác giả giữ nguyên và diễn giải trên 9 cảnh của kịch bản, mỗi cảnh đặt nhan đề theo đúng những sự kiện chính ở tác phẩm gốc. Lấy trục chính là cuộc đời sóng gió của nhân vật trung tâm gắn chặt với triết lí “tài mệnh tương đố” của Nho giáo, thuyết nghiệp báo của Phật giáo, thông qua góc nhìn hiện đại, Nhật Linh bao quát nội dung với tên gọi các cảnh: *Cảnh 1 - Thanh minh - ngôi sao chiếu mệnh - Đạm Tiên; Cảnh 2 - Đạm Tiên báo mộng - nên duyên cầm sắt; Cảnh 3 - Bán mình chuộc cha - làm lẽ Mã Giám Sinh; Cảnh 4 - Tú bà - lầu xanh; Cảnh 5 - Thúc kỳ tâm - Hoạn Thư; Cảnh 6 - Bạc Bà - Bạc Hạnh; Cảnh 7 - Từ Hải - Anh hùng thảo khấu; Cảnh 8 - Từ Hải mắc mưu Hồ Tôn Hiến; Cảnh 9 - Sông Tiền Đường - gặp lại cố nhân.*

Theo đặc trưng thể loại truyện Nôm, kết cấu cốt truyện được coi là yếu tố quan trọng hàng đầu. Đối với nhóm truyện “tài tử - giai nhân” thì trục chính đi theo ba sự kiện lớn gắn với nhân vật trung tâm, đó là “gặp gỡ - tai biến (lưu lạc) - đoàn tụ”. Kết cấu này trong *Truyện Kiều* diễn tả sâu sắc cuộc đời thăng trầm, đầy bất hạnh của Thúy Kiều được Nhật Linh tuân thủ nguyên vẹn. Tác phẩm làm nổi bật những bi kịch như: tài sắc, nhân phẩm bị chà đạp, khát vọng tình yêu mãnh liệt nhưng luôn tan vỡ, khao khát cuộc đời tự do, hạnh phúc luôn bị dập tắt, khát vọng công lí, chính nghĩa qua hình tượng Từ Hải bị đổ vỡ,... đồng thời cũng thể hiện tiếng nói tố cáo những thế lực xấu xa đẩy con người lương thiện vào khổ đau trong xã hội xưa. Nhật Linh cũng như Nguyễn Du đã nhìn cuộc đời dưới nhãn quan của một trái tim và một tấm lòng trắc ẩn, đầy cảm thông và xót thương, bởi vậy thân phận người phụ nữ đã được đặc tả rất xúc động.

Thứ hai, mặc dù chuyển thể tác phẩm văn học sang kịch bản sân khấu có những yêu cầu đặc thù riêng dẫn đến những khác biệt giữa hai văn bản (chúng tôi sẽ trình bày ở phần 2.2.2), nhưng việc phải tuân thủ tác phẩm gốc ở một chừng mực nào đó đã khiến Nhật Linh xây dựng không gian và thời gian nghệ thuật về cơ bản là dựa trên những mô tả gốc của Nguyễn Du. Chẳng hạn, trong *Cảnh 1*, ông để nhân vật xuất hiện trong không gian Hội đạp thanh, rồi tiếp đến là nghĩa địa vào tiết thanh minh của mùa xuân. Khung cảnh được miêu tả có sự vận chuyển, từ những tiểu tiết như vùng cỏ non xanh tận chân trời, cành hoa lê trắng đến nhịp cầu nhỏ phía cuối ghềnh,... *Cảnh 2* là không – thời gian đêm

trăng, nơi khuê phòng Thúy Kiều ngồi tư lự, hồn ma Đạm Tiên hiện về; không gian nơi Kim – Kiều gặp mặt, trao kỉ vật; tiếp đến là không gian trong tư gia Vương ông, nơi gia đình gặp cơn tai biến, Thúy Kiều bán mình chuộc cha,...; *Cảnh 3* là không gian nơi gia đình Vương ông bị sai nha vào hành tội; *Cảnh 4*, không gian lầu xanh của Tú Bà;... *Cảnh 7*, không gian nơi Từ Hải lập phiên tòa cho Thúy Kiều báo ân, trả oán,... Các kiểu không gian như: không gian khuê phòng, không gian lầu xanh, lầu Ngưng Bích, không gian chốn công đường, công gian thần thiêng khi hồn ma Đạm Tiên xuất hiện với gió “vù vù thổi”,... đều được tác giả mô tả ngắn gọn, dễ hình dung. Về thời gian, các mốc như: đêm tối khi Thúy Kiều thấy hồ Đạm Tiên, khi nàng liều mình chạy trốn cùng Sở Khanh,...; Thời gian có khi là sự trôi chảy tuyến tính, có khi là kiểu thời gian tâm trạng như khi Kim Trọng tương tư Thúy Kiều,... Tất cả được chuyển thể vào kịch bản một cách trung thành để đảm bảo không làm thay đổi nội dung chính của cốt truyện.

Thứ ba, do xuất phát từ hình thức chuyển thể trung thành với tác phẩm gốc, Nhật Linh đã đan cài nhiều câu thơ lục bát ở *Truyện Kiều* vào tác phẩm kịch nói của ông. Chúng tôi thống kê, tác giả trích dẫn thơ khoảng 44 lần, các câu thơ được đan cài khá khéo léo khiến mạch kịch diễn tiến tự nhiên, cảm xúc của nhân vật cũng được bộc lộ rõ rệt. Chẳng hạn, mở đầu, những câu thơ được coi như chủ đề của tác phẩm gốc được ông để nhân vật Đạm Tiên thể hiện:

*Trăm năm trong cõi người ta,  
Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau.  
Trải qua một cuộc bể dâu,  
Những điều trông thấy mà đau đớn lòng.  
Lạ gì bỉ sắc tư phong,  
Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen.*

Đoạn chị em Thúy Kiều gặp năm mồ Đạm Tiên, Nhật Linh để nhân vật Thúy Kiều nói lại nguyên văn câu thơ trong *Truyện Kiều*:

*Đau đớn thay phận đàn bà,  
Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung.*

Hay trong đoạn “Trao duyên” ở *Cảnh 2*, Nhật Linh cũng để cho Thúy Kiều và Kim Trọng nhắc lại nguyên văn câu thơ trong *Truyện Kiều*:

*Vàng trắng vàng vạc giữa trời,  
Đình ninh hai mặt một lời song song.*

Việc giữ lại những gì là căn cốt nhất của tác phẩm gốc không chỉ là yêu cầu của hình thức chuyển thể trung thành với nguyên tác, bản thân nó cũng đem đến những hiệu ứng

tích cực cho độc giả. Người đọc có thể thấy đây là một tác phẩm mới nhưng vẫn thấy rõ *Truyện Kiều* với tất cả những gì đã trở thành nét văn hóa thân thuộc, vốn là niềm tự hào của dân tộc ta.

### 2.2.2. Những khác biệt và sáng tạo của Nhật Linh trong kịch bản *Thúy Kiều - một kiếp đoạn trường*

Chúng ta đều biết, kịch bản sân khấu được viết nhằm mục đích để làm căn cứ cho đạo diễn, diễn viên,... hiện thực hóa tác phẩm trên sân khấu, tức là chuyển thể từ tác phẩm văn học sang tác phẩm kịch gắn bó mật thiết với vở diễn sân khấu. Vì vậy, đặc thù về thể loại kịch bản sân khấu sẽ chi phối tác giả, buộc người cầm bút phải có những sáng tạo phù hợp. Nhà nghiên cứu La Khắc Hòa nhấn mạnh: “Không phải ngẫu nhiên mà khi sáng tác kịch bản, nhà văn bao giờ cũng tính đến các yếu tố không gian, thời gian, khả năng biểu hiện nghệ thuật của các phương tiện sân khấu và nhất là sự diễn xuất của diễn viên” [4, tr.165], theo đó, kịch bản *Thúy Kiều - Một kiếp đoạn trường* của Nhật Linh có những khác biệt tất yếu theo yêu cầu thể loại, đồng thời cũng có nhiều sáng tạo riêng.

Đặc trưng của kịch bản là kịch tính được tạo nên từ hệ thống sự kiện, biến cố trong cốt truyện, ở đó những xung đột, mâu thuẫn được đẩy đến cao trào, dẫn số phận nhân vật đến những bước ngoặt, tạo nên sự hấp dẫn cho vở kịch. Tác giả Nhật Linh mặc dù vẫn trung thành với nguyên tác, song tác phẩm đã tạo nên được kịch tính nhờ nhân vật kịch, cụ thể là thông qua lời thoại và hành động. Cảnh gia đình *Thúy Kiều* hoảng loạn khi bị đám quan nha đập phá, khiến nàng quyết định bán mình chuộc cha; cảnh nàng rút dao tự vẫn ở lầu xanh của Tú Bà khiến mẹ hoảng hồn kêu gào, cảnh nàng bị bắt lại khi chạy theo Sở Khanh, cảnh bị tra tấn rồi chấp nhận làm gái lầu xanh,... đều được xây dựng đầy kịch tính, có ý nghĩa làm nổi bật bi kịch của *Thúy Kiều*. Như vậy, kịch tính chính là yêu cầu thể loại khiến kịch bản của Nhật Linh có những điểm khác tác phẩm *Truyện Kiều* của Nguyễn Du vốn là tự sự bằng thơ.

Bên cạnh đó, cốt truyện của kịch cũng mang tính tập trung cao độ do yêu cầu biểu diễn của một vở kịch thường chỉ gói gọn trong một khoảng thời gian nhất định (tầm 3 đến 5 tiếng). Trước đây, *Truyện Kiều* từng được đưa lên sân khấu và phải chia thành ba vở, một là *Thúy Kiều - Kim Trọng*, hai là *Thúy Kiều - Thúc Sinh* và ba là *Thúy Kiều - Từ Hải*. Đối với *Thúy Kiều - Một kiếp đoạn trường*, Nhật Linh đã thu tóm cả cuộc đời nhân vật trong 9 cảnh, vì thế nhiều tình tiết được lược bớt so với tác phẩm gốc. Chẳng hạn, thay vì để *Thúy Kiều* bán mình chuộc cha xong, cả nhà ngủ yên hết, bỗng *Thúy Vân* chợt tỉnh giấc đến an ủi *Thúy Kiều* rồi nàng mới trao duyên, Nhật Linh lại để cả gia đình xúm vào động viên nàng *Kiều*, rồi *Thúy Vân* lên tiếng và nàng quay sang trao duyên cho em ngay lúc ấy. Tình tiết *Thúy Kiều* nhảy sông Tiền Đường được lược đi bằng lời dẫn chuyển cảnh. Tình tiết *Thúy Kiều* đoàn viên với gia đình cũng được xây dựng gọn gẽ bằng việc

cả nhà tìm đến thảo am của Giác Duyên, mọi người đoàn tụ, Thúy Kiều đánh đàn và Kim Trọng cất lời ca ngợi nàng. Vở kịch cũng kết thúc ở đây.

Không gian, thời gian sân khấu là điểm khác biệt rõ rệt giữa kịch bản và tác phẩm văn học. Tác giả kịch bản chỉ mô tả sơ lược, coi như những gợi ý để vở diễn sân khấu có thể hiện thực hóa. Chẳng hạn, mở đầu kịch bản, ở *Cảnh 1*, Nhật Linh viết: “Tiết thanh minh của mùa xuân, các trai gái đi hội đập diu, có ba chị em nhà Thúy Kiều. Ánh sáng rọi vào góc trên sân khấu, nơi ấy có Đạm Tiên...”. *Cảnh 2* tác giả mô tả: “Thúy Kiều trong khuê phòng đang ngắm trăng tư lự (Sân khấu có thể chia làm hai nửa, phía bên kia là tư gia Kim Trọng). Ánh sáng chiếu vào Đạm Tiên, nàng lầy Kiều”. Thời gian cũng có khác biệt khi chuyển thể thành kịch bản sân khấu, chẳng hạn, khi diễn tả thời gian trôi chảy trong giai đoạn Thúy Kiều ở lầu xanh, Nguyễn Du viết:

*Song ca vò võ phương trời,*

*Nay hoàng hôn đã lại mai hôn hoàng...*

Nhật Linh lại cụ thể hóa thành ba năm thông qua *Lời dẫn* ở đầu *Cảnh 5*: “Trong thời gian ba năm ở Lầu xanh, lúc này Kiều đã trở thành một kĩ nữ lừng danh...”. Các cảnh khác cũng vậy, không gian, thời gian vừa là bám sát tác phẩm *Truyện Kiều* lại vừa theo có những khác biệt, sáng tạo yêu cầu của kịch bản sân khấu, thông qua đó độc giả có thể cảm nhận được đầy đủ không - thời gian mà các nhân vật hoạt động để làm rõ chủ đề tác phẩm.

Nhân vật là yếu tố cốt yếu của kịch, đây cũng là điểm sáng tạo khá độc đáo của Nhật Linh so với *Truyện Kiều*. Nhìn chung, hệ thống nhân vật của Nguyễn Du đều được giữ nguyên theo hai hệ thống chính diện – phản diện vốn là đặc thù của thể loại truyện Nôm trong văn học Việt Nam trung đại. Số phận, tính cách, hành động của các nhân vật cũng được bám sát nguyên tác, song ông đã có những thay đổi để vở kịch và sau này là vở diễn sân khấu trở nên hấp dẫn. Đặc thù kịch bản sân khấu là không có người kể chuyện, Nhật Linh đã đặt vai trò dẫn truyện lên nhân vật Đạm Tiên. Trong phần đầu tác phẩm, ông viết: “để rõ hơn cho các lớp, các cảnh. Sẽ có một nhân vật chuyên lầy Kiều. Hồng để dẫn dắt câu chuyện, giải thích và làm sáng tỏ những sự biến trong tác phẩm, lại phần nào úp mở và ám chỉ số phận của Thúy Kiều. Như ảo giác, như giấc mộng, người đó chính là... Đạm Tiên”. Đúng như dụng ý đó, Đạm Tiên trở thành nhân vật xuyên suốt kịch bản, khi thì lầy Kiều như ở đầu các cảnh 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8 và màn 2 của *Cảnh 3*, màn 3 của *Cảnh 5*; khi thì dẫn dắt, khi lại trực tiếp tham gia đối thoại để độc giả hiểu rõ hơn về số phận bi kịch của Thúy Kiều. Đọc toàn bộ kịch bản, sẽ thấy vai trò dẫn truyện khá quan trọng, nó kết hợp với *Lời dẫn*, những chú thích về bối cảnh, về những hành động không lời của nhân vật mà tác giả ghi chú trong văn bản để làm nổi bật kiếp đoạn trường của Thúy Kiều, cũng chính là làm rõ chủ đề tác phẩm.

Trong đặc trưng kịch bản văn học, nhân vật thể hiện bằng hành động, bằng đối thoại, độc thoại và bàng thoại, soi vào tác phẩm *Thúy Kiều – Một kiếp đoạn trường* có thể thấy tác giả không dùng bàng thoại. Hình thức độc thoại ít được sử dụng, thẳng hoặc mới để nhân vật “một mình lẩm bẩm”, còn lại chủ yếu xây dựng nhân vật thông qua hành động và đối thoại, bên cạnh những ghi chú thể hiện thái độ, cảm xúc và hành động. Nàng Kiều đầy nhân hậu, hi sinh, là người con có hiếu, người yêu chung thủy, người dễ nhạy cảm và rung động trước số phận bất hạnh của người khác,... nhưng lại phải trải qua một chuỗi dài những bất hạnh, tác giả đã lột tả điều đó thật sự rõ nét. Ta hãy phân tích đoạn nhân vật Kiều thương cảm trước nấm mồ Đạm Tiên:

- *Thúy Kiều: (Nhìn xót xa) Trời ơi, thế này cũng được gọi là nấm mộ, nom điều tàn lạnh lẽo cô đơn.*

... *Này các em (sụt sùi) Không ai đoái hoài Đạm Tiên... Sẵn trâm làm bút ta đề thơ “Tứ tuyệt”, đủ bốn câu ba vần tặng ca kỹ Đạm Tiên. (Đề thơ xong rồi nàng khóc...)*

- *Vương Quan: (Ngạc nhiên) Kìa Thúy Kiều, khuôn mặt như hoa bồng dung ủ dột, nổi buồn xâm chiếm khiến nước mắt tuôn rơi.*

Qua đối thoại và những chú thích trong ngoặc đơn, Nhật Linh cho thấy rõ chân dung Thúy Kiều đầy lòng trắc ẩn, cảm thương cho kiếp người bất hạnh, ta còn thấy rõ sự lo lắng của Vương Quan dành cho chị gái mình, cũng đồng thời là lời miêu tả rõ hơn cho chân dung Thúy Kiều. Toàn bộ tác phẩm đều sử dụng đối thoại, ghi chú và cả những mô tả hành động nhân vật để làm nổi bật nội dung cần chuyển tải như thế. Thúy Kiều của Nhật Linh hay các nhân vật khác dù là được đưa đến với độc giả bằng một hình thức khác nhưng ta vẫn thấy đây chính là nàng Kiều và hệ thống nhân vật mà Nguyễn Du chú ý xây dựng.

Chú thích của tác giả trong kịch bản *Thúy Kiều – Một kiếp đoạn trường* cũng là điểm khác biệt cơ bản do yêu cầu thể loại. Nếu Nguyễn Du dùng lời trần thuật, đối thoại, độc thoại để xây dựng nhân vật thì Nhật Linh bên cạnh đối thoại là các ghi chú. Cảm xúc, thái độ, hành động của nhân vật như: “ngạc nhiên”, “bực”, “kinh ngạc”, “sợ hãi hét lên”, “an ủi”, “say đắm”, “vô cùng mừng rỡ”,... đều được đưa vào trong ngoặc đơn, trải suốt tác phẩm. Những chú thích này nhằm gợi ý cho đạo diễn, diễn viên khi đưa tác phẩm lên sân khấu để dàng nắm được các trạng thái cảm xúc cũng như hành động mà nhân vật thể hiện.

Lời thoại nhân vật trong kịch cũng được coi là hành động kịch tính. Nhật Linh đã tận dụng điều này rõ rệt khi xây dựng nhân vật. Chẳng hạn, đoạn đám quan lại xông vào nhà Vương ông, tác giả viết:

*Quan nha: (Hét lên) Vào đây, tất cả vào đây. (Một đám sai nha kéo vào, mặt mũi bặm trợn với vũ khí trong tay. Theo sau là tên bán tơ, vợ chồng Vương ông và hai con chạy ra). Đây là nhà của Vương ông có phải.*

*Vương Quan: Dạ thưa đúng.*

*Vương ông: (Ngạc nhiên) Bẩm quan, vợ chồng tôi là chủ Vương gia đây ạ.*

*Quan nha: Khá lắm. Thật xứng cha nào con nấy. Bay đâu. (Hô lớn). Lục soát tìm tang vật. (Cả nhà ngơ ngác...)*

*... Nghe rõ chưa? (Gầm lên) Bay đâu, cùm hai thằng này lại...*

Màn đối thoại đầy kịch tính. Quan nha thì hùng hổ, cha con Vương ông thì ngạc nhiên, uất ức, đăm sai nha thì bậm trợn. Một bên là người dân mắc oan, kêu trời không thấu, bị đập phá, cướp bóc một cách vô căn cứ, một bên là đám quan lại nhe nanh, múa vuốt, đàn áp bất chấp. Sự đối lập bị đẩy đến cao trào khi cha con Vương ông bị treo lên tra tấn, Thúy Kiều xuất hiện cùng với Vương bà xin tha, Quan nha hạ lệnh thả người rồi đổi giọng vùi tiền, lúc này kịch tính mới được kéo trùng xuống. Đặc biệt, để phù hợp với môi trường văn hóa – xã hội ngày nay, tăng thêm kịch tính cho ngôn ngữ đối thoại của nhân vật, tác giả đã tiệm cận đến ngôn từ hiện đại. Nhiều đoạn nhân vật đối thoại bằng văn vần hoặc thơ bảy, tám chữ nghe rất thuận tai. Chẳng hạn, câu thơ số 41, 42 trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du:

*Cỏ non xanh tận chân trời,*

*Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.*

Nhật Linh đổi thành lời thoại của Thúy Kiều trong *Cảnh 1*: “Tiết thanh minh năm nay thật đẹp, mùa xuân khiến cánh én mãi đưa thoi. Hoa lê trắng muốt nở đến tận cuối trời, trên nền cỏ xanh thật là tuyệt tác”. Ở *Cảnh 3*, lời thằng Bán tơ “trơ trẽn” được tác giả sáng tạo thành cách nói theo nhịp 4: “Cái tội của ông, chứa chấp của gian. Cái tội làm càn, bán đồ ăn cướp”. Cũng trong cảnh này, Quan nha nói: “Thôi được. (Hắn cho đuổi lâu la ra ngoài - Nhịp 5) Chuyện khó ta tìm cách. Chạy cho thoát án gian. (Vờ ngẫm nghĩ). Ba trăm lạng nộp Quan. Lại yên vui như cũ. Ha ha ha...”. Cũng có đoạn đối thoại tác giả dẫn câu thơ trong *Truyện Kiều* nhưng chỉnh sửa lại ngôn từ. Ví dụ, đoạn Thúy Kiều sụt sùi khóc thương trước nắm mồ Đạm Tiên, Nhật Linh để sửa lại lời của Thúy Vân:

*Thôi thôi chị cũng nực cười,*

*Khéo dư nước mắt khóc người đời xưa.*

Thay lời trần thuật của bản gốc “Vân rằng” bằng từ láy “thôi thôi” và chuyển nó thành ngôn ngữ nhân vật, một mặt phù hợp với thể loại kịch (không có người trần thuật), mặt khác phù hợp với ngữ cảnh cuộc đối thoại. Ngòi bút của Nhật Linh đã thể hiện tính hiện đại trong hệ thống ngôn từ. Sự kế thừa và sáng tạo trong phạm vi cho phép đã khiến hệ thống nhân vật vốn là trọng tâm của kịch bản trở nên sinh động, hấp dẫn và mang hơi thở của đời sống hiện đại. Đúng như Phạm Tuấn nhận xét: “Vở kịch *Thúy Kiều – Một kiếp đoạn trường* tham vọng làm trẻ lại *Truyện Kiều* của Nguyễn Du với sự giản lược các



điển cố, điển tích so với nguyên tác nhưng vẫn có sự lồng ghép hợp lí và tự nhiên các câu thơ quen thuộc, nổi tiếng từ trong nguyên tác *Truyện Kiều*. Đồng thời vở kịch *Thúy Kiều – Một kiếp đoạn trường* kết hợp lối nói vần điệu và ngôn từ truyền thống giúp người xem đồng điệu và cuốn hút” [7].

Có thể nói, những khác biệt do yêu cầu chuyển thể từ thể loại truyện Nôm sang kịch bản sân khấu, cùng với những sáng tạo của Nhật Linh đã tăng thêm phần hấp dẫn cho kịch bản cũng như khi đưa lên sân khấu. Tiếng vang của vở kịch thể hiện qua nhiều bài báo bình luận chứng tỏ vở diễn có được những thành công chính là xuất phát từ kịch bản văn học *Thúy Kiều – Một kiếp đoạn trường*.

### 3. KẾT LUẬN

Trên cơ sở lí thuyết về chuyển thể và vấn đề liên văn bản, có thể thấy tác phẩm *Thúy Kiều – Một kiếp đoạn trường* của Nhật Linh là một văn bản chuyển thể bám sát khá sát với *Truyện Kiều* của Nguyễn Du. Bên cạnh đó, tác phẩm của ông cũng có những khác biệt xuất phát từ yêu cầu thể loại và nhiều sáng tạo độc đáo trong cốt truyện, kịch tính của kịch, không gian - thời gian nghệ thuật, hệ thống nhân vật và hệ thống ngôn từ,... Tất cả đã tạo nên sức hấp dẫn cho tác phẩm. Có thể nói, trên góc độ nghệ thuật chuyển thể kịch bản, Nhật Linh đã rất thành công.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Nguyên Cẩn (2008), *Tiếp cận Truyện Kiều từ góc nhìn văn hóa*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
2. Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (đồng chủ biên) (2004), *Từ điển thuật ngữ văn học*, Nxb Giáo dục, TP.HCM.
3. Bùi Trần Quỳnh Ngọc (2017), *Chuyển thể và liên văn bản (trường hợp Long Thành cầm giả ca)*”, Tạp chí khoa học, Trường ĐHSP Tp Hồ Chí Minh, tr.5-19.
4. Trần Đình Sử (chủ biên) (2017), *Giáo trình Lí luận văn học - Tác phẩm và thể loại văn học*, Nxb Đại học Sư phạm.
5. Trần Nho Thìn (2008), *Văn học trung đại Việt Nam dưới góc nhìn văn hóa*, Nxb Giáo Dục, Hà Nội.
6. Nguyễn Anh Tuấn (2015), *Truyện Kiều: Từ văn học tới điện ảnh – một phương thức diễn dịch nghệ thuật đầy thử thách*  
<http://vanviet.info/nguyen-cuu-phe-binh/truyen-kieu-tu-van-hoc-toi-dien-anh-mot-phuong-thuc-dien-dich-nghe-thuat-day-thu-thach/>

7. Phạm Tuấn (2022), *Hình tượng Thúy Kiều được tái hiện ở nhà hát kịch Hà Nội*  
<https://nongthonviet.com.vn/hinh-tuong-thuy-kiieu-duoc-tai-hien-o-nha-hat-kich-ha-noi.ngn>
8. Bích Vân (2011), *Truyện Kiều với nghệ thuật sân khấu truyền thống Việt Nam*,  
<http://www.vnq.edu.vn/tap-chi/nghien-cuu-trao-doi/634-truyn-kiu-vi-ngh-thut-san-khu-truyn-thng-vit-nam.html>

### ADAPTATION PROBLEMS AND THEATER SCENARIOS IN “THUY KIEU A LONG LIFE” BY NHAT LINH

*Nguyen Thi Viet Hang, Pham Ba Hai*

**Abstract:** *The essay provides the basic concerns of adaptation theory and stage script characteristics, using them as a theoretical foundation to evaluate, compare, and emphasize Nhat Linh's inheritance and innovative thinking on the content and artistic form portrayed in Thuy Kieu's long life script.*

**Keywords:** *Stage script, adaptation, Intertextuality, The Tale of Kieu, Thuy Kieu's long life*

*(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 28-9-2023; ngày phản biện đánh giá: 16-10-2023; ngày chấp nhận đăng: 14-11-2023)*